TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2025/HS-ST

Ngày: 09-12-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên; ông Nguyễn Văn C – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 238/2025/TLST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn H, sinh năm 1988 tại tỉnh Nghệ An (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số: 040088038896; Nơi thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); nơi ở hiện nay: Tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1 và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Nghệ An) xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2011/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 3 năm 2025 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Mộng P, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Đ, xã N, huyện N, thành phố N (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình); địa chỉ tạm trú: Số E, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn N2, sinh năm 1990 – Luật sư Công ty L – Đoàn luật sư Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H và bà Bùi Thị C1 là hàng xóm cùng tạm trú tại khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do H làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ và H biết gia đình bà C1 vào ban ngày đi làm, không có ai ở nhà nên H nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà C1 tìm tài sản nhằm chiếm đoạt để có tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/3/2025, H lấy 01 cái kìm bằng kim loại, đeo găng tay vải len màu xám đen và mang đôi vớ màu đen rồi H đi ra phía sau nhà, đứng lên 01 thanh sắt để cặp ở bờ tường và leo lên đứng trên đầu bức tường xây bằng gạch tô xi măng cao khoảng 02 mét ngăn cách giữa nhà H và nhà liền kề. Sau đó, H đi trên các thanh sắt và bước lên mái tôn để đến vị trí ban công sau nhà bà C1 và dùng kìm cắt lưới B40 để tạo ra một lỗ trống rồi leo vào bên trong ban công nhà bà C1. Lúc này, H dùng kìm đập 02 cái vào cửa kính làm bể kính cửa, H đưa tay vào khoảng trống không còn kính để mở chốt cửa và đi vào bên trong nhà bà C1 rồi đi vào phòng ngủ tại lầu 1 (phòng không có khoá) lục tìm tài sản để chiếm đoạt nhưng không có tài sản, H tiếp tục đi xuống tầng trệt và vào phòng ngủ tiếp giáp phòng khách (phòng không có khoá) để lục tìm tài sản thì thấy trong phòng có một cái rương bằng kim loại đang khoá bằng 01 ổ khoá nên H dùng kìm bẻ gãy khoen móc ổ khoá và mở nắp rương ra lấy được số tiền 75.000.000 đồng. Do H tiếp tục nhìn thấy trong túi xách có 01 cái bọc nilon màu đen có 03, 04 cái hộp nhựa màu đỏ, bên trong có chứa nhiều nữ trang là nhẫn, dây chuyền, lắc, bông tai bằng kim loại màu vàng nên đã lấy đem về nhà, cất kìm và điều khiển xe mô tô biển số 18L1-619.15 đem theo số tiền và vàng nữ trang vừa chiếm đoạt được đi cất giấu tại bãi đất bỏ hoang có nhiều bụi cây cỏ tại địa chỉ phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, H lấy số tiền 75.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ cất giấu vào túi quần đang mặc. Số vàng nữ trang còn lại H để chung trong 01 bọc nylon màu đen và cất giấu vào bụi cây trong bãi đất trống để tìm chỗ tiêu thụ sau. Sau đó, H liên hệ với một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) trên mạng xã hội để bán 02 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999 được số tiền là 90.000.000 đồng. Sau khi bán vàng xong, H liên hệ với người chủ nợ (không rõ lai lịch) để trả tiền nợ số tiền là 165.000.000 đồng.

Đến ngày 17/3/2025, H đến Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản tại nhà bà Bùi Thị C1 vào ngày 14/03/2025. Sau đó, H đưa lực lượng Công an đến nơi cất giấu tài sản và trực tiếp lấy những tài sản đã chiếm đoạt được để giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành thu giữ, lập biên bản niêm phong số tài sản, gồm:

+ 01 dây chuyền vàng 18k, kiểu con ve, có mặt đá hột đỏ, trọng lượng 03 chỉ 02 phân 05 ly (tính luôn hột đá);

+ 01 dây chuyền vàng 18k, kiểu dây châu 02 màu, có mặt đá hột trắng, trọng lượng 02 chỉ 05 phân 07 ly (tính luôn hột đá);

+ 01 dây chuyền vàng 18k, kiểu dây mì vuông, có mặt đá hột đen, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 04 ly (tính luôn hột đá);

+ 02 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ;

+ 09 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ;

+ 06 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ;

+ 08 chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 0,5 chỉ;

+ 01 vòng đeo tay kiểu vuông, vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 03 phân 03 ly;

+ 01 lắc khoen lặc, vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ 04 phân 08 ly;

+ 01 nhẫn kiểu hạt dưa, đá xanh, vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 02 phân 09 ly (tính luôn hột đá);

+ 01 nhẫn kiểu hột đá Đai K, vàng 18K, trọng lượng 09 phân 07 ly (tính luôn hột đá);

+ 01 đôi bông kiểu 05 cánh, có hột đá, vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 03 phân;

+ 01 đôi bông mai 05 cánh, vàng 24K, trọng lượng 09 phân 08 ly;

+ 01 nhẫn kiểu một hột đá, vàng 18K, trọng lượng 04 phân 04 ly (tính luôn hột đá);

+ 01 nhẫn kiểu một hột trắng có tấm 02 bên, vàng trắng, trọng lượng 06 phân 02 ly (tính luôn hột đá).

Kết quả trưng cầu giám định:

Tại Kết luận giám định số 2396/KL-KTHS ngày 10/6/2025 của Phân viện KHHS tại TP . Hồ Chí Minh, kết luận:

+ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt đá hột đỏ, tổng khối lượng: 12,2213 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,96%; Bạc (Ag): 16,10%; Đ (Cu): 22,94%.

+ 01 dây chuyền kim loại màu vàng, kiểu dây hai màu, có mặt đá hột trắng, tổng khối lượng: 9,6487 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 61,68%; Bạc (Ag): 5,13%; Đ (Cu): 33,19%.

+ 01 dây chuyền kim loại màu vàng, kiểu dây mì vuông, mặt có màu đen, tổng khối lượng: 6,9270 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,43%; Bạc (Ag): 8,08%; Đ (Cu): 23,04%;

+ 25 nhẫn trơn kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 142,6448 gam, có thành phần kim loại trung bình: Vàng (A): 99,95%; Bạc (A): 0,05%.

+ 01 vòng đeo tay kim loại màu vàng, khối lượng: 8,7383 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 59,47%; Bạc (Ag): 22,46%; Đ (Cu): 17,40%.

+ 01 lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng: 13,0610 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,63%; Bạc (Ag): 17,5%; Đ (Cu): 21,87%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng, đính đá màu xanh; tổng khối lượng: 4,8622 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,27%; Bạc (Ag): 19,84%; Đ (Cu): 19,84%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng, đính hạt màu đỏ, tổng khối lượng: 3,6779 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 61,06%; Bạc (Ag): 20,27%; Đ (Cu): 18,67%.

+ 01 đôi bông tai kim loại, có đính hạt, tổng khối lượng: 4,9116 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,93%; Bạc (Ag): 19,22%; Đ (Cu): 19,85%.

+ 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 3,7164 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 96,73%; Bạc (A): 3,27%.

+ 01 nhẫn kiểu kim loại màu vàng, có đính hạt, tổng khối lượng: 1,6552 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 60,07%; Bạc (Ag): 16,97%; Đ (Cu): 19,25%.

+ 01 nhẫn kiểu kim loại, có đính hạt, tổng khối lượng: 2,3405 gam, có thành phần kim loại Vàng (A): 41,05%; Bạc (Ag): 17,13%; Đ (Cu): 36,22%.

Tại Phiếu kiểm định mã số: G110555 ngày 25/6/2025, Công ty Cổ phần G xác định: Đá đính trên mặt của 03 dây chuyền và 04 chiếc nhẫn cùng 01 đôi bông tai là đá giả (đá nhân tạo) không giá trị.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 ví da màu nâu đỏ;

+ 01 cái kìm bằng kim loại, có tay cầm bọc nhựa màu đen đỏ, phần lưỡi kim loại bị gỉ sét, có kết cấu vặn và cắt, phần lưỡi cắt có dấu vết hằn kim loại;

+ 01 áo khoác dài tay, màu đen, mặt trong cổ có chữ: N-T SLIMFIT BEST COLLECTION, size 2XL;

+ 02 chiếc dép da, quai ngang màu đen, hiệu Halita, không rõ số;

+ 01 quần dài nam vải màu đen, size 31, không nhãn hiệu;

+ 01 đôi vớ màu đen, có thêu chữ T&T màu trắng;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 18L1-619.15; số khung: RLHJA392XPY430329; số máy: JA39E3045947.

Kết quả định giá tài sản:

Bản kết luận định giá tài sản số 8109/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố, kết luận giá trị tài sản tại thời điểm ngày 14/3/2025 là 573.172.798 đồng, cụ thể:

+ 01 (một) dây chuyền vàng 18k, kiểu con ve, có mặt đá hột đỏ, tổng trọng lượng 12,22 gam (trọng lượng vàng 9,5 gam, trọng lượng đá 2,72 gam (đá không giá trị)) có giá 18.074.236 đồng;

+ 01 (một) dây chuyền vàng 18k, kiểu dây châu hai màu, có mặt đá hột trắng, tổng trọng lượng 9,64 gam (trọng lượng vàng 7,37 gam, trọng lượng đá 2,27 gam (đá không giá trị)) có giá 14.021.802 đồng;

+ 01 (một) dây chuyền vàng 18k, kiểu dây mì vuông, có mặt đá hột đen, tổng trọng lượng 6,92 gam (trọng lượng vàng 5,03 gam, trọng lượng đá 1,89 gam (đá không giá trị)) có giá 9.569.833 đồng;

+ 01 (một) nhẫn kiểu hạt dưa, đá xanh, vàng 18K, tổng trọng lượng 4,86 gam (trọng lượng vàng 2,93 gam, trọng lượng đá 1,67gam (đá không giá trị)) có giá 5.574.475 đồng;

+ 01 (một) nhẫn kiểu hột đá Đai K, vàng 18K, tổng trọng lượng 3,67 gam (trọng lượng vàng 1,86 gam, trọng lượng đá 1,81 gam (đá không giá trị)) có giá 3.538.745 đồng;

+ 01 (một) đôi bông kiểu 05 cánh, có hột đá vàng 18K, tổng trọng lượng 4.91 gam (trọng lượng vàng 3,31 gam, trọng lượng đá 1,6 gam (đá không giá trị)) có giá 6.297.444 đồng;

+ 01 (một) nhẫn kiểu một hột đá, vàng 18K, tổng trọng lượng 1,65 gam (trọng lượng vàng 1,15 gam, trọng lượng đá 0,5 gam (đá không giá trị)) có giá 2.187.934 đồng;

+ 01 (một) nhẫn kiểu một hột trắng có tấm 02 bên, vàng trắng, tổng trọng lượng 2,33 gam (trọng lượng vàng 1,57 gam, trọng lượng đá 0,76 gam (đá không giá trị)) có giá 2.987.005 đồng;

+ 01 (một) đôi bông mai 05 cánh, vàng 24K, trọng lượng 3,7164 gam có giá 9.477.316 đồng;

+ 25 (hai mươi lăm) chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, tổng trọng lượng 142,6448 gam có giá 364.219.723 đồng;

+ 01 (một) vòng đeo tay kiểu vuông, vàng 18K, trọng lượng 8,7383 gam có giá 16.625.063 đồng;

+ 01 (một) lắc khoen lặc, vàng 18K, trọng lượng 13,0610 gam có giá 24.849.221 đồng;

+ 02 (hai) chiếc nhẫn trơn, vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ, tổng trọng lượng 37,5 gam có giá 95.750.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền và vàng nữ trang các loại mà bị cáo Bùi Văn H chiếm đoạt của bà Bùi Thị C1 có tổng trị giá là 648.172.798 đồng (trong đó: giá trị tài sản là vàng nữ trang các loại 573.172.798 đồng và 75.000.000 đồng tiền mặt) .

Bản Cáo trạng số 86/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội ‘‘Trộm cắp tài sản” theo điểm a Khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 12 năm đến 14 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với toàn bộ số vàng là tài sản của bị hại bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 nên Cơ quan điều tra đã đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại;

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 18L1-619.15; số khung: RLHJA392XPY430329; số máy: JA39E3045947 là tài sản của bà Đỗ Thị Mộng P (em dâu của H) đứng tên chủ sở hữu cho H mượn, nhưng bà P không biết H sử dụng làm phương tiện mang cất giấu tài sản trộm được nên Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô này

cho bà P.

- Đối với 06 đoạn kẽm lưới B40 là tài sản của bị hại bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 không yêu cầu nhận lại do không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 ví da màu nâu đỏ; 01 cái kìm bằng kim loại, có tay cầm bọc nhựa màu đen đỏ, phần lưỡi kim loại bị gỉ sét, có kết cấu vặn và cắt, phần lưỡi cắt có dấu vết hằn kim loại; 01 áo khoác dài tay, màu đen, mặt trong cổ có chữ: N-T SLIMFIT BEST COLLECTION, size 2XL; 02 chiếc dép da, quai ngang màu đen, hiệu Halita, không rõ số; 01 quần dài nam vải màu đen, size 31, không nhãn hiệu; 01 đôi vớ màu đen, có thêu chữ T&T màu trắng là tài sản của bị cáo sử dụng khi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu Bùi Văn H phải trả lại số tiền 130.750.000 đồng (gồm tài sản chưa thu hồi được: 35.000.000 đồng tiền mặt, giá trị 02 chiếc nhẫn trơn (vàng 9999) giá 95.750.000 đồng) là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; cụ thể: Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; đã thu hồi phần lớn tài sản chiếm đoạt; thành khẩn, ăn năn, hối cải; đã bồi thường cho bị hại 40.000.000 đồng; Hoàn cảnh phạm tội xuất phát từ khủng hoảng tài chính, nợ nần; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo mức án dưới 12 năm tù cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

- Bị cáo Bùi Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Bị cáo không tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/03/2025, Bùi Văn H đã lén lút đột nhập vào nhà của bà Bùi Thị C1, tại đại chỉ khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để trộm cắp tài sản

là tiền và vàng trang sức của bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 với tổng trị giá là 648.172.798 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo là người còn trẻ, có khả năng lao động lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích cực lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã trả lại một phần lớn cho bị hại; tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, xét đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 26/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Nghệ An) xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2011/HSST.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[9] Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo mức án dưới 12 năm tù là chưa phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu Bùi Văn H phải trả lại số tiền còn lại là 130.750.000 đồng và được bị cáo đồng ý là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với toàn bộ số vàng là tài sản của bị hại bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bị hại là phù hợp;

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 18L1-619.15; số khung: RLHJA392XPY430329 ; số máy: JA39E3045947 là tài sản của bà Đỗ Thị Mộng P (em dâu của H) đứng tên chủ sở hữu cho H mượn, nhưng bà P không biết H sử dụng làm phương tiện mang cất giấu tài sản trộm được nên Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô này cho bà P là phù hợp.

- Đối với 06 đoạn kẽm lưới B40 là tài sản của bị hại bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1. Bà C1, ông N1 không yêu cầu nhận lại do không còn giá trị sử dụng nên đại

diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 ví da màu nâu đỏ; 01 cái kìm bằng kim loại, có tay cầm bọc nhựa màu đen đỏ, phần lưỡi kim loại bị gỉ sét, có kết cấu vặn và cắt, phần lưỡi cắt có dấu vết hằn kim loại; 01 áo khoác dài tay, màu đen, mặt trong cổ có chữ: N-T SLIMFIT BEST COLLECTION, size 2XL; 02 chiếc dép da, quai ngang màu đen, hiệu Halita, không rõ số; 01 quần dài nam vãi màu đen, size 31, không nhãn hiệu; 01 đôi vớ màu đen, có thêu chữ T&T màu trắng là tài sản của bị cáo và bị cáo không có yêu cầu nhận lại do không còn giá trị sử dụng nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

- Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025).

- Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021; 2024; 2025).

- Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Bùi Văn H từ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn H phải trả cho bị hại bà Bùi Thị C1, ông Nguyễn Văn N1 số tiền 130.750.000 đồng (một trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 06 đoạn kẽm Lưới B40; 01 ví da màu nâu đỏ; 01 cái kìm bằng kim loại, có tay cầm bọc nhựa màu đen đỏ, phần lưỡi kim loại bị gỉ sét, có kết cấu vặn và cắt, phần lưỡi cắt có dấu vết hằn kim loại; 01 áo khoác dài tay, màu đen, mặt trong cổ có chữ: N-T SLIMFIT BEST COLLECTION, size 2XL; 02 chiếc dép da, quai ngang màu đen, hiệu Halita, không rõ số; 01 quần dài nam vải màu đen, size 31, không nhãn hiệu; 01 đôi vớ màu đen, có thêu chữ T&T màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.537.500 đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan THAHS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam Bố Lá – Phân trại Lái Thiêu;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THAHS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết